TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-12-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Được
2. Ông Nguyễn Bỉnh Khiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/11/2024và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị P, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Thạch Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị P *trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào năm 2012 do mai mối nên chị và anh Đ xác lập hôn nhân nhưng đến ngày 14/3/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian chung sống không được hạnh phúc do bất đồng về chi tiêu tài chính trong gia đình, thường xuyên cãi vả nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không còn tiếng nói chung, bỏ mặc ai nấy sống, vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2024, nay chị P xin được ly hôn với anh Thạch Đ.

- Về con chung tên Thạch Thị N, sinh ngày 05/3/2013 chị P yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Thạch Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thạch Đ *vắng mặt nên không có lời trình bày:*

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị P ly hôn anh Đ. Về con chung: Thạch Thị N, sinh ngày 05/3/2013 có nguyện vọng sống chung với chị P khi cha mẹ ly hôn, chị P có yêu cầu nuôi nên cần giao con cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp hơn. Về cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.Về tài sản chung và nợ chung chị P không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí chị P là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệc khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên xét chị P không phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị P và anh Đ là tranh chấp về ly hôn, nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay chị P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P và anh Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị P và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/3/2016 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị P và anh Đ là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của chị P xin ly hôn anh Đ, theo lời khai của chị P thì sau khi cưới vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về tài chính chi tiêu trong gia đình, vợ chồng hay cãi vả nhau, từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, vảo tháng 02/2024 vợ chồng ly thân nhau, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, bỏ mặt nhau, sống không hạnh phúc nên chị P cương quyết xin được ly hôn.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và xuất phát từ tình cảm của hai phía, tuy nhiên sau khi Toà án thụ lý vụ án, toà án triệu tập chị P và anh Đ đến toà án để hoà giải việc hôn nhân của anh chị, nhưng anh Đ không đến để giải quyết hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng chị P thì cương quyết xin được ly hôn.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung hạnh phúc không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Thạch Thị N, sinh ngày 05/3/2013 hiện tại chị P đang nuôi dưỡng, cháu N có nguyện vọng sống chung với chị P khi cha mẹ ly hôn.

Xét thấy con chung tên Thạch Thị N từ khi vợ chồng ly thân, chị P nuôi dưỡng cho đến nay cuộc sống của con đã ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, cháu N có nguyện vọng sống chung với chị P và chị P có yêu cầu được nuôi con chung vì vậy chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị P, giao con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu anh Thạch Đ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Thạch Thị P là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên xét chị P không phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị P được ly hôn anh Thạch Đ.

- Về con chung: Giao con tên Thạch Thị N, sinh ngày 05/3/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Thạch Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Thạch Thị P không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh